

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (điều chỉnh)

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 24 tháng 04 năm 2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Khoa Luật tại tờ trình số 908/KL-ĐBCL ngày 10 tháng 08 năm 2022 về việc điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo yêu cầu của đơn vị đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 08 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu của Khoa Luật, bao gồm:

1. Chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính;
2. Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự;
3. Chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự;
4. Chuyên ngành Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;
5. Chuyên ngành Luật kinh tế;
6. Chuyên ngành Luật quốc tế;
7. Chuyên ngành Pháp luật về quyền con người;
8. Chuyên ngành Quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
CHUYÊN NGÀNH: LUẬT KINH TẾ**

*(Ban hành theo Quyết định số 2875/QĐ-ĐHQGHN, ngày 29 tháng 08 năm 2022
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo

+ Tiếng Việt: Luật kinh tế

+ Tiếng Anh: Economic law

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8380101.05

- Tên ngành đào tạo

+ Tiếng Việt: Luật

+ Tiếng Anh: Law

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Law

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ luật chuyên ngành luật kinh tế theo định hướng nghiên cứu có mục tiêu đào tạo những chuyên gia có kiến thức lý luận và thực tiễn toàn diện, chuyên sâu về pháp luật kinh tế; có năng lực, kỹ năng và phẩm chất phù hợp để hoàn thành các công việc chuyên môn theo chuyên ngành đào tạo, đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường lao động và xã hội. Chương trình đào tạo cũng cung cấp những nền tảng cần thiết về tư duy, kiến thức, kỹ năng để người học có thể tự học tập, nghiên cứu hoặc tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức

Chương trình đào tạo trang bị cho người học kiến thức lý luận và thực tiễn chuyên sâu về pháp luật kinh tế tại Việt Nam có so sánh đối chiếu với pháp luật nước ngoài, cập nhật cho người học những kiến thức pháp lý hiện đại về môi trường pháp lý kinh doanh. Chương trình đào tạo cũng nhằm phát triển tư duy pháp lý mang tính hệ

thống để giúp người học tiếp cận và giải quyết một cách tốt nhất các công việc nghiên cứu và thực tiễn về pháp luật kinh tế.

- Về kỹ năng

Chương trình đào tạo trang bị cho người học các kỹ năng cần thiết để có thể nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật kinh tế một cách độc lập, sáng tạo; tham gia vào quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật; tư vấn và áp dụng các quy định pháp luật kinh tế vào việc xử lý các công việc, nhiệm vụ cụ thể ở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp... nơi họ công tác.

- Về năng lực

Với những kiến thức, kỹ năng đã trang bị cho người học, Chương trình đào tạo nhằm giúp người học sau khi tốt nghiệp có đầy đủ năng lực để đảm nhận những cương vị công tác như: làm công tác nghiên cứu, tư vấn, quản lý hoặc công tác thực tiễn tại các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các cơ sở đào tạo, các viện, các trung tâm khoa học chuyên ngành pháp luật kinh tế hoặc các chuyên ngành khác gần gũi với chuyên ngành pháp luật kinh tế.

- Về phẩm chất đạo đức

Chương trình đào tạo hướng tới mục tiêu hình thành hoặc phát triển các phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp và xã hội cho người học theo chuẩn mực của một luật gia, đặc biệt trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Môn thi tuyển sinh

- Môn thi Cơ bản: Đánh giá năng lực
- Môn thi Cơ sở: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật
- Môn Ngoại ngữ: Chọn 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Luật hoặc phù hợp với ngành Luật; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với ngành Luật, đã học bổ túc kiến thức để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành Luật;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Khoa Luật.

3.3. Danh mục các ngành phù hợp

- Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật Hình sự và tố tụng hình sự, Luật Kinh tế, Luật Quốc tế, Luật Kinh doanh; Luật Thương mại quốc tế.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

PLO1: Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác - Lênin nhằm giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong chuyên ngành đào tạo;

PLO2: Vận dụng kiến thức cơ sở, đặc biệt là phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý và ngoại ngữ (Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) phục vụ cho công việc học tập, nghiên cứu khoa học và công việc chuyên môn;

PLO3: Vận dụng tổng hợp kiến thức chuyên ngành đặc biệt là những kiến thức chuyên sâu về: Pháp luật thương mại; pháp luật lao động; pháp luật đất đai - môi trường; pháp luật tài chính - ngân hàng... và tư duy pháp lý hệ thống để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến chuyên ngành đào tạo;

PLO4: Phân tích, đánh giá, phản biện các quy định, chính sách của Đảng, Nhà nước về pháp luật kinh tế; tiếp nhận, phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO5: Áp dụng các quy định pháp luật kinh tế để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác; nhận thức, phân tích, tổng hợp, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý để tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn, giải quyết những vấn đề thực tế hoặc giả định phức tạp liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế;

PLO6: Phát hiện, dự báo những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến pháp luật kinh tế để: Tổ chức nghiên cứu; thảo luận, đánh giá, phản biện; truyền đạt tri thức dựa trên kết quả nghiên cứu; tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu; so sánh với lý luận và thực tiễn nước ngoài để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam;

PLO7: Tư vấn pháp luật kinh tế cho các tổ chức, cá nhân; đề xuất các kiến nghị, giải pháp cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong việc thực thi, xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật kinh tế.

2.2. Kỹ năng hỗ trợ

PLO8: Tra cứu, cập nhật thông tin, tài liệu; viết và trình bày kết quả nghiên cứu, báo cáo khoa học;

PLO9: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm để giải quyết công việc một cách logic, sáng tạo;

3. Về phẩm chất đạo đức

PLO10: Phẩm chất đạo đức cá nhân: Chuẩn mực trong lời nói và hành vi; thân thiện, hợp tác, cầu thị với đồng nghiệp, đối tác và khách hàng; chủ động, tự tin trong công việc; dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe;

PLO11: Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Thực hiện các quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của một luật gia; thúc đẩy các nguyên lý và giá trị của pháp luật, đạo đức, công lý, công bằng và nhân đạo trong thực tiễn công tác; bản lĩnh, trung thực, khách quan, chuyên nghiệp, nghiêm túc, sáng tạo và có trách nhiệm với công việc được giao;

PLO12: Phẩm chất đạo đức xã hội: Tự tôn dân tộc, ý thức đầy đủ về trách nhiệm công dân; bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; đấu tranh với những sai phạm, những biểu hiện tiêu cực và vi phạm pháp luật;

4. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO13: Nghiên cứu, phát hiện, tư vấn và đề xuất những giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề lý luận, thực tiễn phát sinh thuộc chuyên ngành đào tạo; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn và bảo vệ được các kết luận đó;

PLO14: Thích nghi, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân trong môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; hướng dẫn người khác phát triển năng lực chuyên môn;

PLO15: Xây dựng, thẩm định kế hoạch, quản lý hoạt động chuyên môn; nhận định, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

5. Vị trí làm việc mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Chuyên ngành Luật kinh tế định hướng nghiên cứu, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- *Nhóm 1:* Công tác tại các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp ở trung ương hoặc địa phương; các cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội.

- *Nhóm 2:* Hành nghề độc lập hoặc làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp như các doanh nghiệp/công ty/văn phòng: luật; công chứng; thừa phát lại; quản lý và thanh lý tài sản... trong và ngoài nước; làm chuyên viên pháp chế/tư vấn viên tại các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.

- *Nhóm 3:* Công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, kinh tế (các trung tâm, viện nghiên cứu về pháp luật, kinh tế; các trường đại học, cao đẳng...).

- *Nhóm 4:* Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, học viên có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn hoặc có thể tiếp tục học lên ở bậc học cao hơn (tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	60 tín chỉ , trong đó:
- Khối kiến thức chung:	<i>8 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	37 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i> :	<i>18 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn</i> :	<i>19/40 tín chỉ</i>
- Luận văn:	15 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		8				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4				
2		Ngoại ngữ cơ bản * <i>Basic Foreign Languages</i>					
	ENG5001	Tiếng Anh cơ bản <i>(Basic English)</i>	4	35	15	10	
	RUS5001	Tiếng Nga cơ bản <i>(Basic Russian)</i>		35	15	10	
	FRE5001	Tiếng Pháp cơ bản <i>(Basic French)</i>		35	15	10	
	GER5001	Tiếng Đức cơ bản <i>(Basic German)</i>		35	15	10	
	CHI5001	Tiếng Trung cơ bản <i>(Basic Chinese)</i>		35	15	10	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		36				
II.1	<i>Bắt buộc</i>		18				
3	SOL6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí <i>(Legal Research Methods)</i>	2	18	6	6	
4	BSL6070	Môi trường pháp lí kinh doanh <i>(Legal Environment for Business)</i>	2	18	6	6	
5	BSL6022	Pháp luật về các quan hệ lao động <i>(Law on Labour Relationship)</i>	2	18	6	6	
6	BSL6054	Pháp luật về quyền sử dụng đất ở Việt Nam <i>(Law on Land Use Rights in Vietnam)</i>	2	18	6	6	
7	BSL6025	Những vấn đề pháp lí về phát triển bền vững và tăng trưởng xanh <i>(The Legal Issues of Sustainable Development and Green Growth)</i>	2	18	6	6	
8	BSL6055	Pháp luật về hoạt động tín dụng ngân hàng <i>(Law on Credit Operations of Banks)</i>	2	18	6	6	

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
9	BSL6056	Pháp luật về thuế áp dụng đối với doanh nghiệp (<i>Corporate Taxation Law</i>)	2	18	6	6	
10	BSL6028	Pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại (<i>Laws on Commercial Dispute Resolution</i>)	2	18	6	6	
11	BSL6042	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (<i>Consumer Protection Law</i>)	2	18	6	6	
II.2	Tự chọn		19				
12	BSL6021	Thương nhân và hành vi thương mại (<i>Traders and Commercial Activities</i>)	2	18	6	6	
13	BSL6030	Pháp luật về phát hành và giao dịch chứng khoán (<i>Laws of Securities Issue and Transaction</i>)	2	18	6	6	
14	BSL6050	Pháp luật bảo vệ người lao động (<i>Labour Protection Law</i>)	3	27	9	9	
15	BSL6071	Pháp luật về tổ chức lại doanh nghiệp (<i>Corporate restructuring law</i>)	2	18	6	6	
16	BSL6035	Pháp luật về tranh chấp lao động và đình công (<i>Labour Disputes and Strike Law</i>)	3	27	9	9	
17	BSL6072	Pháp luật về giải quyết tranh chấp đất đai (<i>Land Dispute Resolution</i>)	2	18	6	6	
18	BSL6073	Pháp luật về giải quyết tranh chấp môi trường (<i>Environment Dispute Resolution</i>)	2	18	6	6	
19	BSL6037	So sánh pháp luật về tổ chức kinh doanh (<i>Comparative Law of Business organization</i>)	3	27	9	9	
20	BSL6039	Pháp luật về cho thuê tài chính (<i>Fiancial Leasing Law</i>)	2	18	6	6	
21	BSL6051	Pháp luật phá sản (<i>Bankruptcy Law</i>)	3	27	9	9	
22	BSL6074	Pháp luật về quản trị tài chính doanh nghiệp (<i>Corporate Financial Management Law</i>)	3	27	9	9	
23	BSL6075	Pháp luật về người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài (<i>Laws on Vietnamese People Working Abroad</i>)	2	18	6	6	
24	BSL6076	Pháp luật về dịch vụ Logistics (<i>Logistics Law</i>)	2	18	6	6	
25	BSL6053	Pháp luật về hợp đồng lao động (<i>Labour Contract Law</i>)	3	27	9	9	
26	BSL6048	Luật hợp đồng so sánh (<i>Comparative Contract Law</i>)	2	18	6	6	
27	BSL6077	Chính sách và pháp luật cạnh tranh (<i>Competition Policy and Law</i>)	2	18	6	6	
28	BSL6078	Pháp luật về đấu thầu, đấu giá hàng hóa (<i>Bidding and Auction Law</i>)	2	18	6	6	
III	BSL7202	Luận văn	15				
		Tổng cộng	60				